	AZ01	48	3	Hoàng Thị Thúy Tiên

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 000792

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.V

Môn học: **Kỹ thuật chế biến món ăn (226129) - Nhóm 03**
CBGD: **Nguyễn Thị Sao Ly (300020)**

Số SV có mặt: 30
Số bài thi: 30
Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120270186	NGUYỄN LẠC LAM	ANH	31/12/2002	CCQ2027F				8.5	8.0	8.3	
2	2120270188	NGUYỄN THÀNH	DUY	01/11/2002	CCQ2027F				8.5	8.0	8.3	
3	2120270038	PHẠM ĐẶNG CẨM	DUYÊN	29/01/2001	CCQ2027B				8.5	8.5	8.5	
4	2120270146	NGUYỄN DUY	ĐAN	28/10/2002	CCQ2027E				7.5	8.5	8.0	
5	2120270219	NGUYỄN THANH HOÀNG	GIA	11/11/2002	CCQ2027G				7.0	8.5	7.8	
6	2120270147	HUỲNH NHẤT	GIANG	22/09/2002	CCQ2027E				7.0	8.0	7.5	
7	2120270220	MAI NGUYỄN HUỲNH	GIAO	09/06/2002	CCQ2027G				8.5	8.0	8.3	
8	2120270148	NGUYỄN THÚY	HẰNG	02/01/2002	CCQ2027E				8.0	7.5	7.8	
9	2120270149	PHAN CÔNG	HIỂN	20/12/2001	CCQ2027E				8.0	8.8	8.4	
10	2120260145	VÕ HUỲNH THIỆN	HIẾU	09/12/2002	CCQ2027F				9.0	9	9.0	
11	2120270150	TRẦN THỊ QUỲNH	HOA	01/10/2002	CCQ2027E				8.0	8.5	8.3	
12	2120270191	LÊ THỊ THU	HUYỀN	20/08/2002	CCQ2027F				8.5	9.0	8.8	
13	2120270046	LÊ THỊ THÚY	KIỀU	02/06/2002	CCQ2027B				8.5	8.0	8.3	
14	2120270224	NGUYỄN HOÀNG	MINH	01/08/2001	CCQ2027G				7.5	8.0	7.8	
15	2120270194	LÊ NGUYỄN TRÀ	MY	23/09/2002	CCQ2027F				8.5	8.5	8.5	
16	2120270225	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	18/11/2002	CCQ2027G				8.5	8.0	8.3	
17	2120270053	TRẦN HỮU	NGHĨA	02/09/2002	CCQ2027B				8.0	8.5	8.3	
18	2120270197	PHAN XUÂN	NHẬT	15/06/2000	CCQ2027F				7.5	8.0	7.8	
19	2120270228	HUỲNH TRIỆU ÁI	NHI	28/10/2002	CCQ2027G				8.0	8.0	8.0	
20	2120270229	HỒ THỊ THANH	PHƯƠNG	19/07/2002	CCQ2027G				8.0	8.0	8.0	

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 000792

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2

Môn học: **Kỹ thuật chế biến món ăn (226129) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Thị Sao Ly (300020)**

Số SV có mặt: 30
Số bài thi: 30
Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2120100056	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	02/10/2002	CCQ2027G				8.0	8.0	8.0	
22	2120270230	HỒ VĂN	QUÂN	25/09/2002	CCQ2027G				7.5	8.0	7.8	
23	2120270168	NGUYỄN THANH	THẢO	13/04/2002	CCQ2027E				8.5	8.0	8.3	
24	2120170343	PHẠM HỮU	THIỆN	26/08/2002	CCQ2027G				8.0	8.0	8.0	
25	2120270232	ĐOÀN THỊ CẨM	TIÊN	05/10/2002	CCQ2027G				7.5	8.0	7.8	
26	2120270170	TRẦN QUỐC	TÍN	27/09/2002	CCQ2027E				8.0	8.0	8.0	
27	2120270183	SẦM THỊ	TRANG	19/02/1999	CCQ2027F				8.5	8	8.3	
28	2120270172	LÊ THỊ TÚ	VÂN	04/05/2002	CCQ2027E				8.5	8.5	8.5	
29	2120270137	TRẦN THỊ YẾN	VI	04/10/2002	CCQ2027D				8.0	8.5	8.3	
30	2120270174	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	21/09/2002	CCQ2027E				8.0	8.0	8.0	

Scanned with CamScanner

Mã nhận dạng : 000791

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viê

Môn học: **Kỹ thuật chế biến món ăn (226129) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Thị Sao Ly (300020)**

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 30%	Đ.Thi 50%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120270002	KIỀU NỮ MINH	CHU	27/08/2002	CCQ2027A				8.0	8.5	8.3	8
2	2120270213	NGUYỄN VĂN	CHUNG	28/10/2002	CCQ2027C				8.5	8.8	8.7	9
3	2120270037	HÀ THÚY	DÂN	01/11/2002	CCQ2027B				8.0	8.0	8.0	8
4	2120270003	PHAN THỊ HỒNG	DUYÊN	24/05/2002	CCQ2027A				8.0	8.5	8.3	8
5	2120270076	ĐINH PHI	HẢI	16/03/2002	CCQ2027C				9.0	8.8	8.9	9
6	2120270079	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	16/08/2002	CCQ2027C				8.0	8.0	8.0	8
7	2120270080	TRƯƠNG THỊ NGỌC	HIỀN	07/10/2002	CCQ2027C				7.5	8.0	7.8	8
8	2120270083	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	08/10/2002	CCQ2027C				8.5	8.3	7.9	8
9	2120270221	TRẦN MINH	KHOA	04/02/2002	CCQ2027G				8.5	8.7	8.6	9
10	2120270217	ĐẶNG THỊ	LỤA	23/11/1998	CCQ2027D				9.0	8.5	8.8	9
11	2120100292	TỪ HIỆP	MINH	17/12/2000	CCQ2027G				9.0	8.8	8.9	9
12	2120270088	NGUYỄN THỊ THU	NGA	19/08/2001	CCQ2027C				8.5	8.7	8.6	9
13	2120270226	LÊ NGUYỄN HOÀNG KIM	NGỌC	26/12/2000	CCQ2027G				8.5	8.5	8.5	9
14	2120270119	DƯƠNG THỊ BÍCH	NHI	16/11/2002	CCQ2027D				8.0	8.4	8.2	9
15	2120270124	LÊ THỊ MỸ	NHUNG	26/01/2002	CCQ2027D				8.5	8.7	8.6	9
16	2120270125	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	01/03/2002	CCQ2027D				9.0	8.6	8.8	9
17	2120270019	NGUYỄN THỊ GIA	PHÚ	04/09/2002	CCQ2027A				8.0	8.3	8.2	9
18	2119230011	TRƯƠNG VĂN	QUẤT	22/08/2001	CCQ1927G				8.0	8.0	8.0	8
19	2120270093	ĐOÀN THỊ KIM	QUYÊN	12/10/2002	CCQ2027C				9.0	8.6	8.8	9
20	2120270094	VÕ VĂN	QUYNH	12/06/2002	CCQ2027C				8.5	8.7	8.6	9

Scanned with CamScanner